

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 13-5-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Lương

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận Hiệp, phường Cam Thuận, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn L, sinh năm: 1991

2.2. Bà Võ Thị Lý Nh, sinh năm: 1993

Cùng có nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, phường Cam Ph, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Cùng vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Nhất L, sinh năm: 1976

Hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã Thanh T, huyện Dầu T, tỉnh B.

Chỗ ở: Tổ dân phố M, phường Cam N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2021, bản tự khai ngày 03 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày: Bà Lê Thị Kim L và vợ chồng bà Võ Thị Lý Nh và ông Lê Văn L là bạn hàng mua bán tôm với nhau. Trong các ngày từ ngày 29 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 7 năm 2020, bà L bán cho vợ chồng bà Nh, ông L hai đợt tổng số tôm loại tôm xanh, cụ thể:*

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, bán tôm loại 923,75kg x 500.000 đồng = 461.870.000 đồng; tôm loại 25,2kg x 300.000 đồng = 7.560.000 đồng và 33,4kg x 250.000 đồng = 3.350.000 đồng.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, bán tôm loại 791,95 kg x 500.000 đồng = 395.970.000 đồng; tôm loại 32kg x 300.000 đồng = 9.600.000 đồng và 20,7kg x 250.000 đồng = 5.175.000 đồng.

Chi phí cân cho mỗi kg tôm xanh, ông L, bà Nh phải trả thêm cho bà L là 5.000 đồng/kg; Tổng trị giá: 892.000.000 đồng. Khi cân tôm, bà Nh có ghi giấy nợ số lượng tôm và số tiền tôm còn ông L trực tiếp bốc tôm lên xe. Qua một tháng, vợ chồng bà Nh, ông L có trả được 602.000.000 đồng, trong đó: trả tiền mặt là 322.000.000 đồng, trả bằng hình thức chuyển khoản là 280.000.000 đồng qua số tài khoản 060028691702 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín của người em quen biết của bà L là ông Nguyễn Nhất L, chia làm 03 đợt: Đợt 1 trả 200.000.000 đồng vào ngày 24 tháng 8 năm 2020; Đợt 2 trả 30.000.000 đồng vào ngày 22 tháng 9 năm 2020; Đợt 3 trả 50.000.000 đồng vào ngày 30 tháng 10 năm 2020.

Bà Võ Thị Lý Nh và ông Lê Văn L còn nợ lại bà L số tiền 290.000.000 đồng. Từ đó, bà Nh, ông L không trả tiền cho bà L nữa dù bà đã nhiều lần nhắc nợ, bà L liên lạc qua điện thoại của bà Nh, ông L không được. Do đó, bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Nh, ông L phải trả cho bà số tiền mua bán tôm còn nợ lại là 290.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 10 năm 2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 19 tháng 01 năm 2021) là 290.000.000 đồng x 0.8% x 04 tháng = 9.280.000 đồng. Tổng cộng: 299.280.000 đồng. Đến ngày 09 tháng 02 năm 2021, bà Nh, ông L có trả thêm số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho ông Nguyễn Nhất L.

Nay, bà Lê Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Lý Nh và ông Lê Văn L phải trả lại cho bà L số tiền mua bán tôm còn nợ là 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng và không yêu cầu trả lãi.

** Trong quá trình giải quyết, ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai tại Tòa án.*

** Tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhất L trình bày: Ông Nguyễn Nhất L và bà Lê Thị Kim L có mối quan hệ thân thiết như chị em trong*

nhà. Bà L không sử dụng tài khoản ngân hàng nên bà L yêu cầu ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh chuyển khoản thanh toán số tiền mua bán tôm còn nợ vào tài khoản 060028691702 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín của ông Nguyễn Nhất L. Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Lê Văn L có chuyển khoản 200.000.000 đồng; Ngày 22 tháng 9 năm 2020, chuyển khoản 30.000.000 đồng; Ngày 30 tháng 10 năm 2020 chuyển khoản 50.000.000 đồng. Sau mỗi lần nhận được tiền của ông Lê Văn L, ông Nguyễn Nhất L có gọi điện báo cho bà L và đã chuyển đầy đủ số tiền trên cho bà L. Giữa ông Nguyễn Nhất L và ông Lê Văn L, bà Nh không có quen biết gì và cũng chưa gặp lần nào.

* *Nguyên đơn bà Lê Thị Kim L đã giao nộp*: Giấy có nội dung 01 mặt “Chị L 29/7 ... TC: 791.85”; 01 mặt “Cl ... 10.910 Nợ” (bản gốc); Giấy có nội dung 01 mặt “30.7.2020 Cl ... 7.9 x 250”; 01 mặt “Chị L ... 3.1x 250” (bản gốc); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Kim L; Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên Nguyễn H (bản sao).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhất L đã giao nộp*: Bản sao kê tài khoản của Nguyễn Nhất L từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến ngày 31 tháng 01 năm 2021 (bản chính); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Nhất L (bản sao).

* *Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập*: Biên bản xác minh các ngày 03 tháng 02, ngày 09 tháng 4 năm 2021; Công văn số 17/MB-CRA ngày 13 tháng 4 năm 2021 v/v thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến khách hàng.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến*:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải nộp án phí Dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Lý Nh và ông Lê Văn L phải trả lại cho bà L số tiền

mua bán tôm còn nợ là 270.000.000 (*Hai trăm bảy mươi triệu*) đồng và không yêu cầu trả lãi. Căn cứ Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông Nguyễn Nhất L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên cơ sở ông L là người được nhận số tiền ông Lê Văn L chuyển qua tài khoản theo yêu cầu của bà Lê Thị Kim L vào số tài khoản 060028691702 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày việc mua bán tôm giữa nguyên đơn và bị đơn bà Võ Thị Lý Nh và ông Lê Văn L xác lập từ ngày ngày 29 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn bán cho bị đơn hai đợt tổng số tôm trị giá 892.000.000 đồng có lập văn bản ghi số lượng tôm, số tiền có nội dung: Giấy 01 mặt “Chị L 29/7 ... TC: 791.85”; 01 mặt “Cl ... 10.910 Nợ”; Giấy có nội dung 01 mặt “30.7.2020 Cl ... 7.9 x 250”; 01 mặt “Chị L ... 3.1x 250”. Còn nợ lại nguyên đơn 290.000.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần bằng 02 hình thức là thanh toán bằng tiền mặt cho bà L trực tiếp nhận tiền và chuyển khoản qua tài khoản của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhất L – số tài khoản 06002891702 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Mặc khác, ông Nguyễn Nhất L xác định: Ông Nguyễn Nhất L và bà Lê Thị Kim L có mối quan hệ thân thiết như chị em. Bà L không sử dụng tài khoản ngân hàng nên bà L yêu cầu ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh chuyển khoản thanh toán số tiền mua bán tôm vào tài khoản 060028691702 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín của ông Nguyễn Nhất L. Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Lê Văn L có chuyển khoản 200.000.000 đồng, ngày 22 tháng 9 năm 2020, chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 30 tháng 10 năm 2020 chuyển khoản 50.000.000 đồng. Sau mỗi lần nhận được tiền của ông Lê Văn L, ông Nguyễn Nhất L đã chuyển đầy đủ số tiền trên cho bà L. Theo Biên bản xác minh ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Phòng Giao dịch C, số tài khoản 0581000792401 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam là của ông Lê Văn L, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, phường Cam Ph, thành phố C.

Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại nhưng phía bị đơn cố tình chây ỳ. Đến sau khi Tòa án thụ lý, bị đơn mới trả thêm cho nguyên đơn 20.000.000 đồng. Còn nợ lại 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán tài sản. Phía bị đơn còn nợ lại của nguyên đơn số tiền 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*). Thời gian thanh toán nợ kéo dài, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ

thanh toán, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần số tiền nợ mua bán 270.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi: Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 9.280.000 đồng (*Chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*). Tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Lý Nh và ông Lê Văn L trả lãi nên xét đình chỉ yêu cầu trên.

[3] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh phải nộp 270.000.000 đồng \times 5% = 13.500.000 (*Mười ba triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc bị đơn ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh phải trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền gốc.

1.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Lê Thị Kim L về việc buộc bị đơn ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh phải trả số tiền lãi là 9.280.000 đồng (*Chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Bà Lê Thị Kim L có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 9.280.000 (*Chín triệu hai trăm tám mươi nghìn*) đồng.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh phải nộp 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Hoàn lại cho bà Lê Thị Kim L số tiền 7.482.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001124 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Quy định: Kể từ ngày bà Lê Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bà Lê Thị Kim L quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Lê Văn L và bà Võ Thị Lý Nh có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CCTHADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Xuân Oanh